TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2021/DS-ST
Ngày: 11-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Chiến

Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Hải Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 320/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐST-DS ngày 03-3-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951, cư trú tại: Số 248, Trần Hưng Đạo, khu phố 1, Phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà L: Anh Dương Đức K, sinh năm 1985, cư trú tại: Đường số 1, nhà thờ Nguyễn tộc, chung cư T, Tổ 6, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ngày 27-10-2020), có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Mai Thị S, sinh năm 1955 và ông Trần Hiếu N, sinh năm 1949, cùng cư trú tại: Nhà số 6, Tổ 11, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bà L là anh Dương Đức K trình bày:

Bà L và vợ chồng ông Trần Hiếu N, bà Mai Thị S có quan hệ quen biết thân thiết. Ngày 23-3-2010, bà L cho bà S, ông N mượn 180.000.000 đồng để đáo hạn

nợ ngân hàng, không hẹn thời gian trả; ngày 07-11-2012 bà L tiếp tục cho bà S mượn 140.000.000 đồng để đáo hạn nợ ngân hàng, hẹn đến tháng 02 năm 2013 thì trả đủ cả hai khoản nợ, khi cho mượn tiền, hai bên không có thỏa thuận tiền lãi. Số tiền bà S nợ bà L tổng cộng là 320.000.000 đồng.

Từ năm 2013, bà L có đòi tiền bà S nhiều lần. Ông N chồng bà S đã trả dần cho bà L được 05 lần tổng cộng là 120.000.000 đồng, lần cuối ông N trả tiền cho bà L vào khoảng tháng 6 năm 2020. Mỗi lần trả tiền ông N đều đưa giấy cho bà L ký xác nhận vào giấy trả tiền do vợ chồng ông N, bà S giữ.

Bà L không nhận thế chấp hoặc cầm cố bất kỳ tài sản nào của vợ chồng ông N, bà S.

Nay bà L yêu cầu bà Mai Thị S và chồng là ông Trần Hiếu N liên đới trả cho bà tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 60.000.000 đồng, tính từ ngày 07-10-2017 đến ngày 06-10-2020, tổng cộng là 260.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh K - người đại diện theo ủy quyền của bà L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi là 60.000.000 đồng.

Bị đơn – bà Mai Thị S trình bày:

Bà thừa nhận có mượn tiền của bà L theo 02 giấy nợ mà bà L cung cấp là đúng, tổng cộng là 320.000.000 đồng. Bà mượn tiền của bà L để lo cho gia đình. Khoản nợ 180.000.000 đồng bà đã cấn trừ tiền sang nhượng đất với con bà L là anh Vũ Ngọc Huệ, phần đất ngang 10m tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh trị giá 400.000.000 đồng. Việc cấn trừ nợ không có lập giấy tờ gì, do tin tưởng chị em thân tình nên bà không có lấy giấy nợ về. Khoản nợ 140.000.000 đồng thì ông N đã trả dần cho bà L qua 05 lần tổng cộng là 120.000.000 đồng. Bà chỉ còn nợ bà L 20.000.000 đồng.

Bà có thế chấp cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính do bà đứng tên, đây là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị Vũ Thị Xuân D là con bà L đang giữ và sử dụng để kiện bà trong vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Tòa án nhân dân huyện C đang thụ lý, giải quyết số: 263/2020/TLST-DS ngày 28-8-2020. Việc thế chấp không có lập giấy tờ gì.

Bà không đồng ý trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền nợ lãi 60.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả 20.000.000 đồng còn nợ khi bà L trả lại cho bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà thế chấp.

Ngày 24-02-2021, vợ chồng bà có đơn đề nghị về việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà S trong giấy biên nhận đề ngày 20-12-2010 do anh Vũ Ngọc Huệ cung cấp. Đồng thời, vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án căn cứ vào Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu của bà L về số tiền nợ gốc và nợ lãi, với lý do việc vay mượn tiền từ năm 2010 và 2012 đến nay đã quá 03 năm nên hết thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

Bị đơn – ông Trần Hiếu N trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà S.

Việc bà S mượn tiền của bà L thì ông không biết, chỉ sau khi bà L đến nhà

đòi tiền nhiều lần thì ông mới biết. Khi đòi tiền thì bà L không nhắc gì đến khoản nợ 180.000.000 đồng, chỉ đòi khoản nợ 140.000.000 đồng. Ông đã trả dần cho bà L qua 05 lần, tổng cộng là 120.000.000 đồng, lần cuối ông trả tiền cho bà L vào khoảng tháng 6 năm 2020. Do bà L không trả cho vợ chồng ông bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S nên ông chưa trả cho bà L 20.000.000 đồng còn lại.

Nay ông không đồng ý trả cho bà L số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền nợ lãi 60.000.000 đồng, yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu của bà L, do thời hiệu khởi kiện đã hết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông N bà S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L 200.000.000 đồng tiền nợ gốc, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với yêu cầu trả tiền lãi 60.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ghi ngày 11-12-2020, bà L yêu cầu bà S và ông N liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền nợ lãi 60.000.000 đồng theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 07-10-2017. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 01-3-2021 và tại phiên tòa hôm nay, ông N và bà S yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối yêu cầu của bà L về khoản tiền nợ gốc và nợ lãi.

Xét thấy, ông N, bà S, bà L đều thừa nhận vợ chồng ông N, bà S có mượn tiền bà L vào năm 2010 và 2012; sau đó vợ chồng ông N bà S có trả dần cho bà L 120.000.000 đồng qua 05 lần, lần cuối ông N trả tiền cho bà L là vào khoảng tháng 6 năm 2020. Như vậy, mặc dù việc mượn tiền xảy ra từ năm 2010, 2012 tính đến ngày bà L khởi kiện đã quá 03 năm nhưng bà S, ông N đã thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ cho bà L, thời hiệu khởi kiện được bắt đầu lại vào tháng 6 năm 2020 theo điểm b khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Dân sự nên vụ án vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, cần xác định quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của bà S, ông N theo Điều 429 của Bộ luật Dân sự và Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà L khởi kiện ông N, bà S cư trú tại ấp B, xã T, huyện C về hợp đồng

vay tài sản nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điêu 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về yêu cầu giám định của bà S, ông N đối với chữ ký "Son" mang tên Mai Thị S trong biên nhận ghi ngày 20-12-2010 thì thấy rằng: Giấy biên nhận chỉ thể hiện *bà S có bán đất cho anh Huệ và nhận của anh Huệ tổng cộng 290.000.000 đồng, trong đó có 250.000.000 đồng tiền mặt và 40.000.000 đồng tiền vật liệu xây dựng, khi hoàn thành thủ tục sang tên thì anh Huệ giao cho bà S 110.000.000 đồng còn lại ....,* không thể hiện rõ là có hay không có việc cấn trừ khoản nợ 180.000.000 đồng giữa bà S và bà L nên không liên quan đến việc bà S mượn tiền, trả tiền cho bà L. Do đó, trong vụ án này, việc giám định chữ ký, chữ viết của bà S tại giấy biên nhận đề ngày 20-12-2010 là không cần thiết.

[1.4] Tại phiên tòa, anh Dương Đức K – người đại diện theo ủy quyền của bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà L đối với tiền lãi 60.000.000 đồng. Xét thấy, việc anh K rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật và trong phạm vi ủy quyền của bà L theo Hợp đồng ủy quyền ghi ngày 27-10-2020. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về số tiền lãi 60.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2] Về pháp luật áp dụng: Việc vay mượn giữa bà L, bà S được xác lập vào năm 2010, 2012 đến nay chưa thực hiện xong, có nội dung và hình thức phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cần áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Bà L và ông N, bà S trình bày thống nhất năm 2010, bà S có mượn của bà L 180.000.000 đồng; năm 2012 bà S mượn tiếp của bà L 140.000.000 đồng, tổng cộng là 320.000.000 đồng; khi mượn tiền các bên không thỏa thuận tiền lãi. Do đó, hợp đồng vay tiền giữa bà L và bà S vào năm 2010 và năm 2012 là có thật.

[4] Bà S, ông N cho rằng vào năm 2010, có cấn trừ khoản nợ 180.000.000 đồng qua tiền sang nhượng 10m ngang đất cho anh Vũ Ngọc H, con của bà L nhưng bà S không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh việc cấn trừ nợ, bà S cũng thừa nhận việc cấn trừ nợ không có lập giấy tờ gì.

Qua xác minh, anh H, chị N khai có nhận sang nhượng 10m ngang đất của bà S ở ấp B, xã T, huyện C với giá 400.000.000 đồng nhưng không có việc cấn trừ nợ giữa bà L và bà S vào số tiền sang nhượng đất anh chị giao cho bà S, việc vay mượn giữa bà L và bà S cụ thể như thế nào thì anh chị không biết. Đồng thời, giấy mượn tiền ghi ngày 23-3-2010 có nội dung ghi: *"Tiền mượn trả ngân hàng riên tiền đất.."*, tại phiên tòa bà S không lý giải được nội dung này. Nguyên đơn khẳng định tiền mượn ngân hàng và tiền chuyển nhượng đất với anh H là riêng biệt, không có liên quan đến nhau là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông N, bà S có nghĩa vụ chứng minh cho sự phản đối của mình, chứng minh có việc cấn trừ nợ

nhưng ông N, bà S không chứng minh được; hơn nữa, bà S khai đã cấn trừ nợ với bà L nhưng bản chính giấy biên nhận nợ 180.000.000 đồng vẫn để bà L giữ là không phù hợp. Cho nên không có cơ sở chấp nhận lời khai của ông N bà S về việc cấn trừ khoản nợ 180.000.000 đồng.

Bà S, ông N đều thừa nhận còn nợ bà L 20.000.000 đồng đối với khoản vay 140.000.000 đồng ngày 07-11-2012; còn khoản vay 180.000.000 đồng thì ông bà không chứng minh được có việc cấn trừ nợ. Do đó, có đủ cơ sở xác định bà S còn nợ bà L 200.000.000 đồng tiền nợ gốc.

[5] Về việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Bà S khai có thế chấp cho bà L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo khoản vay tiền của bà L, hiện nay chị Vũ Thị Xuân D sử dụng giấy đất này kiện bà trong vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Xét thấy, bà S không cung cấp được giấy tờ thể hiện việc thế chấp và Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý, giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị Vũ Thị Xuân D và bà Mai Thị S liên quan đến giấy đất này trong vụ án số: 263/2020/TLST-DS ngày 28-8-2020 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Ông N khai không biết việc bà S mượn tiền của bà L nhưng mục đích bà S mượn tiền là để lo cho gia đình, đáo hạn nợ ngân hàng; khi ông N biết việc bà S thiếu nợ bà L thì ông cũng không phản đối và có trả tiền dần cho bà L. Do đó, cần xác định khoản tiền bà S mượn của bà L là nợ chung của vợ chồng ông N, bà S.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông N, bà S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh K, người đại diện của bà L không yêu cầu tính tiền lãi nên ghi nhận.

[8] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà L không phải chịu tiền án phí.

Bà S, ông N phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu của bà L được chấp nhận nhưng ông N, bà S đã trên 60 tuổi và có đơn xin được miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, miễn án phí cho bà S, ông N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 184, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 688, điểm b khoản 1 Điều 157, Điều 429, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Mai Thị S, ông Trần Hiếu N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Mai Thị S, ông Trần Hiếu N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính tiền lãi.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về tiền lãi 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà S, ông N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự trong vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.C;
- CCTHADS H.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hồ Thị Bảo Ngọc